



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : *168* /HEID-CV
V/v: Công bố BCTC 6 tháng đầu năm 2015

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

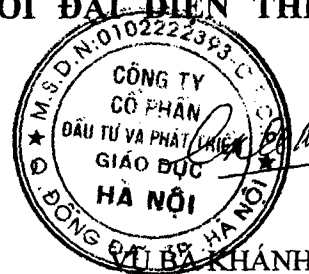
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 12/08/2015).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

n NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu THHC



BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng	04
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	05 - 40
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23 tháng 03 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(Chuyển công tác từ ngày 01/01/2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

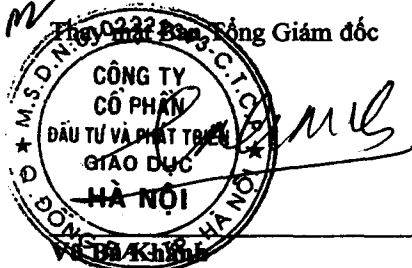
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Số: 1284/2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội .

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		259.282.730.638	201.003.857.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.071.023.321	47.830.445.562
111	1. Tiền		12.071.023.321 ✓	27.830.445.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.006.800	16.503.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400 ✓	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(102.769.600) —	(102.272.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.615.545.303 ✓	55.363.828.799
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	105.103.827.252 ✓	36.960.115.502
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.471.239.695 ✓	23.351.203.439
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.706.412.535 ✓	595.188.032
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.665.934.179) —	(5.542.678.174)
140	IV. Hàng tồn kho	8	132.057.135.764	86.567.656.389
141	1. Hàng tồn kho		138.333.134.926 ✓	89.514.246.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.275.999.162) ✓	(2.946.589.806)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.523.019.450	11.225.423.233
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	12.060.830.784 ✓	11.000.776.615
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	462.188.666 ✓	224.646.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

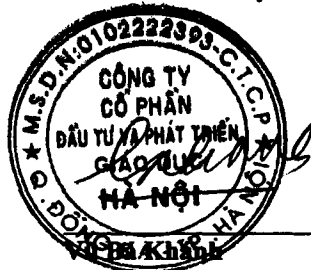
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		160.430.500.072	160.621.319.820
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.139.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	4.139.800.000 ✓	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		2.441.574.726	607.485.274
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.441.574.726	607.485.274
222	- Nguyên giá		5.804.322.484 ✓	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.362.747.758) ✓	(3.135.109.937)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	4.607.011.818	4.541.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.607.011.818 ✓	4.541.011.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	141.605.750.000	142.605.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		125.000.000.000 ✓	125.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.855.750.000 ✓	12.855.750.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.750.000.000 ✓	4.750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.636.363.528	8.727.272.728
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.636.363.528 ✓	8.727.272.728
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		419.713.230.710	361.625.177.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		201.686.702.316	152.060.634.239
310	I. Nợ ngắn hạn		201.686.702.316	152.060.634.239
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	80.691.948.804 ✓	48.630.585.441
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.919.204 ✓	50.285.105 ✓
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	5.976.721.819 ✓	1.911.510.673 ✓
314	4. Phải trả người lao động		8.699.355.006 ✓	3.664.347.559 ✓
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	9.587.584.261 ✓	3.878.550.201 ✓
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	257.738.274 ✓	351.714.174 ✓
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	95.215.025.718 ✓	88.858.069.358 ✓
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.252.409.230 ✓	4.715.571.728
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		218.026.528.394	209.564.543.464
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	218.026.528.394	209.564.543.464
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	3. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948 ✓	24.166.950
415	4. Cổ phiếu quỹ		-	(3.200.876.950)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		31.112.216.463 ✓	28.757.414.296
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.270.524.238 ✓	10.270.524.238
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.698.131.745 ✓	23.713.314.930
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.876.192.763 ✓	3.876.192.763
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		20.821.938.982 ✓	19.837.122.167
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		419.713.230.710	361.625.177.703



Tông Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Dương Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	234.660.065.514 /	212.287.878.754 /
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.683.299.065 /	1.362.581.486 /
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		232.976.766.449 /	210.925.297.268 /
11	4. Giá vốn hàng bán	21	170.253.205.229 /	158.340.270.745 /
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.723.561.220 /	52.585.026.523 /
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	337.226.319 /	335.717.595 /
22	7. Chi phí tài chính	23	3.759.904.832 /	4.900.416.637 /
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.757.678.761 /	3.737.269.369 /
25	8. Chi phí bán hàng	24	16.825.782.926 /	15.222.631.508 /
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.788.942.413 /	8.478.996.773 /
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.686.157.368 /	24.318.699.200 /
31	11. Thu nhập khác		4.698.604 /	-
32	12. Chi phí khác		24.923.717 /	300.000
40	13. Lợi nhuận khác		(20.225.113) /	(300.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.665.932.255 /	24.318.399.200
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	5.843.993.273 /	5.331.901.719
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>20.821.938.982</u> /	<u>18.986.497.481</u>



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		139.187.308.864	112.007.540.287 /
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(149.365.812.136)	(108.898.528.901) /
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.083.552.832)	(10.990.933.683) /
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.669.602.786)	(3.742.637.677) /
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(505.151.784)	(1.374.401.786) /
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		998.823.476	3.273.278.276 /
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.574.513.670)	(5.476.384.517) /
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.012.500.868)	(15.202.068.001) /
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.319.900.000)	(520.000.000) /
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		375.976.319	207.717.595 /
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(943.923.681)	(312.282.405) /
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.122.365.948	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		134.813.118.167	94.853.423.028 /
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(128.256.161.807)	(81.746.329.942) /
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.482.320.000)	(12.958.396.950) /
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.802.997.692)	148.696.136 /

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là: 83 người (tại ngày 31/12/2014 là 83 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 32.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	204.858.512	544.777.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.866.164.809	27.285.668.258
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	12.071.023.321	47.830.445.562

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	16.006.800	(102.769.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	4.650.000	(69.950.000)	74.600.000	5.539.392	(69.060.608)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	6.500.000	(15.000.000)	21.500.000	5.937.500	(15.562.500)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	4.800.000	(17.600.000)	22.400.000	4.960.000	(17.440.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	56.800	(219.600)	276.400	67.008	(209.392)
	118.776.400	16.006.800	(102.769.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	12.855.750.000	12.855.750.000	-	12.855.750.000	12.855.750.000	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12.243.750.000	12.243.750.000	-	12.243.750.000	12.243.750.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	612.000.000	612.000.000	-	612.000.000	612.000.000	-
Các khoản đầu tư khác	3.750.000.000	3.750.000.000	-	4.750.000.000	4.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới ^[1]	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
	141.605.750.000	141.605.750.000	-	142.605.750.000	142.605.750.000	-

^[1] Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới chuyển trả lại tiền vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội vào ngày 27/02/2015 và ngày 05/03/2015.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Góp vốn đầu tư			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	-	642.000.000
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	305.607.893	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	18.487.599.481	16.434.610.208
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.052.896.413	1.076.846.282
Mua hàng hóa			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	3.634.140.015	1.337.008.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	60.000.000	30.000.000
Lãi vay phải trả trong kỳ			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	565.690.274	-

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	TP Hồ Chí Minh	8,77%	8,77%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5,00%	5,00%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	105.103.827.252	36.960.115.502
- Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng trường học Hà Nội	12.133.567.402	3.378.616.365
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	11.555.352.581	1.821.960.408
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thanh Hóa	10.470.583.035	5.956.546.705
- Các khoản phải thu khách hàng khác	70.944.324.234	25.802.992.024
	105.103.827.252	36.960.115.502

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây Công ty liên kết	11.555.352.581	1.821.960.408
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam Công ty mẹ	650.687.822	34.039.198
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục Cùng Tập đoàn	2.055.447.360	652.158.610
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh Cùng Tập đoàn	2.270.952.204	425.624.701
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình Cùng Tập đoàn	2.087.226.684	261.158.042
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai Cùng Tập đoàn	1.076.807.784	611.856.866
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng Cùng Tập đoàn	586.463.493	601.196.890
- Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông Cùng Tập đoàn	1.843.908.838	299.319.160
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam Cùng Tập đoàn	1.366.003.340	596.102.340
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung Cùng Tập đoàn	7.393.300	-
- Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại thành phố Đà Nẵng Cùng Tập đoàn	121.868.400	-
- Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh Cùng Tập đoàn	293.840.333	208.990.287
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam Cùng Tập đoàn	385.684.325	-
	24.301.636.464	5.512.406.502

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.706.412.535 ✓	-	595.188.032 ✓	-
Tạm ứng	355.600.000	-	208.000.000	-
Phải thu khác	2.350.812.535	-	387.188.032	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	38.750.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	1.050.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Hà Nội Xanh	316.552.500	-	-	-
- Ông Hoàng Văn Vân	306.180.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	678.080.035	-	348.438.032	-
b) Dài hạn	4.139.800.000 ✓	-	4.139.800.000 ✓	-
Ký cược, ký quỹ	39.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu khác	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
- Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
	6.846.212.535	-	4.734.988.032	-

^[1]Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2015, hoạt động góp vốn này đang trong giai đoạn triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

7. NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	16.143.826.824	8.477.892.645	9.910.289.594	4.367.611.420
- Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội	4.551.554.583	2.848.226.572	1.556.426.538	778.213.269
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.693.456.457	2.658.823.868	3.714.540.514	1.767.524.487
- Các đối tượng khác	6.898.815.784	2.970.842.205	4.639.322.542	1.821.873.664
	16.143.826.824	8.477.892.645	9.910.289.594	4.367.611.420

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc vẫn đang hết sức nỗ lực trong việc thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	51.212.712.820	-	38.069.277.557	-
Công cụ, dụng cụ	2.180.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.228.901.523	-	3.625.427.683	-
Thành phẩm	54.230.715.449	(5.805.552.192)	16.319.408.255	(2.131.613.536)
Hàng hoá	19.655.013.859	(470.446.970)	27.197.463.841	(814.976.270)
Hàng gửi đi bán	1.003.611.275	-	4.302.668.859	-
	138.333.134.926	(6.275.999.162)	89.514.246.195	(2.946.589.806)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập thêm do giá trị các loại Sách đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.060.830.784	11.000.776.615
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	696.891
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	8.087.575.559	5.269.982.201
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	313.149.091	313.149.091
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	3.660.106.134	5.416.948.432
b) Dài hạn	7.636.363.528	8.727.272.728
- Chi phí thuê kho ^[3]	7.636.363.528	8.727.272.728
	19.697.194.312	19.728.049.343

^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2]Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3]Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.370.874.647	513.844.566	1.373.178.010	-	511.541.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	112.476.573	5.843.993.273	505.151.784	-	5.451.318.062
Thuế thu nhập cá nhân	216.803.618	428.159.453	1.140.233.330	1.792.072.277	454.345.666	13.862.554
Các loại thuế khác	7.843.000	-	3.000.000	3.000.000	7.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	245.109.236	245.109.236	-	-
	224.646.618	1.911.510.673	7.746.180.405	3.918.511.307	462.188.666	5.976.721.819

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
- Mua trong kỳ	1.968.000.000	93.727.273	2.061.727.273
Số dư cuối kỳ	5.387.889.480	416.433.004	5.804.322.484
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.859.098.400	276.011.537	3.135.109.937
- Khấu hao trong kỳ	190.590.986	37.046.835	227.637.821
Số dư cuối kỳ	3.049.689.386	313.058.372	3.362.747.758
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	560.791.080	46.694.194	607.485.274
Tại ngày cuối kỳ	2.338.200.094	103.374.632	2.441.574.726

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.375.650.913 VND.

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.607.011.818	4.541.011.818
- Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	4.307.011.818	4.241.011.818
- Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	4.607.011.818	4.541.011.818

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công

văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND. Trong đó, số vốn góp mà Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã thực nhận là 2.943.950.000 VND. Số vốn góp còn lại Công ty đã chuyển qua đối tác trung gian là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tiếp tục góp vốn vào dự án này.

Trong kỳ, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 66.000.000 VND theo Công văn số 16/CV/HAPCO ngày 26/01/2015 và 74/CV/HAPCO ngày 13/05/2015. Tại thời điểm 30/06/2015, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.307.011.818 VND.

^[2]Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	80.691.948.804	80.691.948.804	48.630.585.441	48.630.585.441
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	24.343.585.007	24.343.585.007	12.500.264.599	12.500.264.599
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	20.460.359.411	20.460.359.411	18.536.483.081	18.536.483.081
- Phải trả cho các đối tượng khác	35.888.004.386	35.888.004.386	17.593.837.761	17.593.837.761
	80.691.948.804	80.691.948.804	48.630.585.441	48.630.585.441

	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		49.463.865.016	49.463.865.016	34.082.194.891	34.082.194.891
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	20.460.359.411	20.460.359.411	18.536.483.081	18.536.483.081
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	4.062.456.612	4.062.456.612	2.880.253.227	2.880.253.227
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.343.585.007	24.343.585.007	12.500.264.599	12.500.264.599
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	131.250.000	131.250.000	131.250.000	131.250.000
- Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	196.987.142	196.987.142	-	-
- Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	263.650.844	263.650.844	33.943.984	33.943.984
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.576.000	5.576.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	-	74.237.200	74.237.200
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.302.411.618	1.302.411.618	1.428.035.119	1.428.035.119
- Công ty Cổ phần Học Liệu	Cùng Tập đoàn	585.000.000	585.000.000	481.154.158	481.154.158
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	2.788.483.337	2.788.483.337	213.577.861	213.577.861
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.195.604.264	6.195.604.264	776.576.555	776.576.555
		60.335.364.235	60.335.364.235	37.055.775.784	37.055.775.784

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	189.959.891	101.883.916
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	3.145.126.868	2.045.031.011
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	3.515.626.432	730.811.463
Trích trước chi phí vận chuyển	787.882.434	1.000.823.811
Trích trước chi phí thuê văn phòng, thuê kho	268.663.636	-
Chi phí phải trả khác	1.680.325.000	-
	9.587.584.261	3.878.550.201

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	257.738.274	322.165.574
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	29.548.600
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	-	29.548.600
	257.738.274	351.714.174

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ^[1]	79.977.202.220	79.977.202.220	97.852.637.470	90.904.178.551	73.028.301	73.028.743.301
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	15.237.823.498	15.237.823.498	35.460.480.697	36.051.983.256	15.829.057	15.829.326.057
	95.215.025.718	95.215.025.718	133.313.118.167	126.956.161.807	88.858.358	88.858.069.358

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND; Trong đó bao gồm cả tổng số dư L/C phát hành không vượt quá 50.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và địa tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014 với giá trị 67.336.000.000 VND.

^[2]Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi Nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	20.784.654.214	7.166.600.347	29.226.124.622	204.000.669.183
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	18.986.497.481	18.986.497.481
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	(13.463.100.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.138.885.487	1.686.986.593	(6.825.872.080)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.373.973.186)	(3.373.973.186)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(1.686.986.593)	(1.686.986.593)
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	25.923.539.701	8.853.586.940	22.862.690.244	204.463.106.885
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	28.757.414.296	10.270.524.238	23.713.314.930	209.564.543.464 ✓
Tăng vốn trong kỳ này ^(*)	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	20.821.938.982	20.821.938.982
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.354.802.167	-	(2.354.802.167)	-
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.945.655.948	-	31.112.216.463	10.270.524.238	24.698.131.745	218.026.528.394 ✓

^(*) Căn cứ vào Nghị quyết số 8-2014/NQ-HĐQT ngày 10/12/2014 của Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch bán toàn bộ 431.400 cổ phiếu quỹ nhằm mục đích bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ số cổ phiếu trên cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vào ngày 20/01/2015 với giá giao dịch bình quân là 11.900 đồng/ cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu). Phần chênh lệch giữa giá giao dịch và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 1.932.783.050 VND.

Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-2015 ngày 05/01/2015 thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 dự kiến, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận trong năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		28.338.745.953
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%	4.250.811.893
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.416.937.298

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 1.200 VND) và trích lập Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận còn lại theo Nghị quyết số 09-2014/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014 của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Chi trả cổ tức		17.482.320.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	2.354.802.167

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của cổ đông	150.000.000.000	100,00%	145.686.000.000	97,12%
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	55.932.000.000	37,29%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	10.222.890.000	6,82%
- Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	79.531.110.000	53,02%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	-	0,00%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.482.320.000	13.463.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.482.320.000	13.463.100.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	14.568.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
-- Quỹ đầu tư phát triển	31.112.216.463	28.757.414.296
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	10.270.524.238
	41.382.740.701	39.027.938.534

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	26.244.927.113	27.199.576.203
- Từ 1 năm trở xuống	5.492.411.125	5.492.411.125
- Từ 1 năm đến 5 năm	16.138.378.720	16.138.378.720
- Trên 5 năm	4.614.137.268	5.568.786.358

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	234.660.065.514	212.287.878.754
- Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	142.060.548.289	123.672.863.274
- Doanh thu bán lịch Block	1.333.289.199	1.127.354.753
- Doanh thu bán sách tham khảo	29.982.218.241	29.362.141.662
- Doanh thu bán vật tư	21.709.655.378	36.376.647.964
- Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	39.574.354.407	21.748.871.101
	234.660.065.514	212.287.878.754

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	18.487.599.481	16.434.610.208
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	51.873.765	52.518.666
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.840.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.255.447.360	1.963.466.200
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	4.107.376.205	1.202.315.890
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	5.266.322.936	4.463.648.240
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.524.835.992	1.690.932.906
- Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.778.600	123.225.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	561.845.644	291.255.330
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	137.530.000	-
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.772.757.874	869.686.445
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	184.278.680	306.042.204
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	1.344.980.300	7.138.744.984
- Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.556.648.818	1.637.336.983
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	1.637.336.983
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.965.951.173	2.554.668.718
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	7.320.557	4.354.880
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.304.667.619	14.785.140
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	4.151.520
		40.533.215.004	40.392.920.297

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.388.472.807	865.917.090
Giảm giá hàng bán	294.826.258	496.664.396
	1.683.299.065	1.362.581.486

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	166.923.795.873	157.613.049.738
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	99.922.447.557	90.877.413.390
- Giá vốn bán lịch Block	1.259.665.425	1.413.194.386
- Giá vốn bán sách tham khảo	17.263.356.276	17.092.309.006
- Giá vốn bán vật tư	22.366.008.313	36.622.465.814
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	26.112.318.302	11.607.667.142
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.329.409.356	727.221.007
	170.253.205.229	158.340.270.745

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.831.319	192.434.805
Cổ tức, lợi nhuận được chia	265.395.000	142.782.290
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	500.500
	337.226.319	335.717.595

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.757.678.761	3.737.269.369
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.166.346.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	497.100	(3.553.000)
Chi phí tài chính khác	1.728.971	353.668
	3.759.904.832	4.900.416.637

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.283.802	62.290.056
Chi phí nhân công	10.292.041.315	8.653.225.695
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	39.104.546	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.014.904	93.364.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.088.843.915	6.312.274.947
Chi phí khác bằng tiền	282.494.444	101.476.484
	16.825.782.926	15.222.631.508

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.162.644	257.648.361
Chi phí nhân công	4.186.613.347	3.537.285.069
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.400.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.622.917	70.657.722
Chi phí dự phòng	2.123.256.005	1.471.435.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.927.395.597	1.983.587.663
Chi phí khác bằng tiền	4.156.491.903	1.158.382.758
	15.788.942.413	8.478.996.773

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.665.932.255	24.318.399.200
Các khoản điều chỉnh tăng	140.034.893	60.299.994
Các khoản điều chỉnh giảm	(265.395.000)	(142.782.290)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.540.572.148	24.235.916.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 22%)	5.838.925.873	5.331.901.719
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	5.067.400	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	112.476.573	272.651.786
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(505.151.784)	(1.374.401.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	5.451.318.062	4.230.151.719

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.508.563.869	74.129.812.727
Chi phí nhân công	14.478.654.662	12.190.510.764
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	46.504.546	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.637.821	164.022.048
Chi phí dự phòng	2.123.256.005	1.471.435.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.864.879.626	55.274.545.602
Chi phí khác bằng tiền	4.438.986.347	1.259.859.242
	150.688.482.876	144.490.185.583

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.071.023.321	-	47.830.445.562	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.950.039.787	(7.665.934.179)	41.695.103.534	(5.542.678.174)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.769.600)	118.776.400	(102.272.500)
Đầu tư dài hạn	3.750.000.000	-	4.750.000.000	-
	127.889.839.508	(7.768.703.779)	94.394.325.496	(5.644.950.674)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.215.025.718	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	80.949.687.078	48.982.299.615
Chi phí phải trả	9.587.584.261	3.878.550.201
	185.752.297.057	141.718.919.174

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.071.023.321	-	-	12.071.023.321
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.144.305.608	4.139.800.000	-	104.284.105.608
Đầu tư ngắn hạn	16.006.800	-	-	16.006.800
Đầu tư dài hạn	-	3.750.000.000	-	3.750.000.000
Cộng	112.231.335.729	7.889.800.000	-	120.121.135.729
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.830.445.562	-	-	47.830.445.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.012.625.360	4.139.800.000	-	36.152.425.360
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	79.859.574.822	8.889.800.000	-	88.749.374.822

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	95.215.025.718	-	-	95.215.025.718
Phải trả người bán, phải trả khác	80.949.687.078	-	-	80.949.687.078
Chi phí phải trả	9.587.584.261	-	-	9.587.584.261
	185.752.297.057	-	-	185.752.297.057
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	48.982.299.615	-	-	48.982.299.615
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	141.718.919.174	-	-	141.718.919.174

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
mua hàng mua			
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	280.511.934	219.788.543
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	277.337.864	49.889.696
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	671.899.040	568.958.576
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	21.561.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	10.019.148.640	9.932.319.719
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	12.559.140	5.681.829
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	475.200.000	247.007.162
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.366.341.535	2.870.885.027
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.957.064.423	8.820.923.266
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	742.714.723	845.687.239
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.576.000	6.566.200
Chi phí tổ chức bán thảo, biên tập, quản lý xuất bản			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	5.909.091	2.272.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	616.987.162	1.719.797.374
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	21.061.233.696	10.499.453.234
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	264.436.363	-
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	104.727.273	104.727.270
Cổ tức và lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112.500.000	112.500.000
Chiết khấu thanh toán nhanh			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	-	13.086.800
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	-	14.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.932.800
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	37.465.740	-
Ứng trước cho người bán			
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	35.390.200

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.206.634.388	1.163.451.188

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	121	1. Chứng khoán kinh doanh	118.776.400	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(102.272.500)	-
131	1. Phải thu khách hàng	36.960.115.502	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.960.115.502	-
132	2. Trả trước cho người bán	23.351.203.439	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.351.203.439	-
135	5. Các khoản phải thu khác	387.188.032	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	595.188.032	208.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	208.000.000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(208.000.000)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	224.646.618	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	224.646.618	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	4.100.000.000	216	6. Phải thu dài hạn khác	4.139.800.000	39.800.000
268	3. Tài sản dài hạn khác	39.800.000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(39.800.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.750.000.000	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	88.858.069.358	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.858.069.358	-
312	2. Phải trả người bán	30.094.102.360	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	48.630.585.441	18.536.483.081
313	3. Người mua trả tiền trước	50.285.105	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.285.105	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.911.510.673	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.911.510.673	-
315	5. Phải trả người lao động	3.664.347.559	314	5. Phải trả người lao động	3.664.347.559	-
316	6. Chi phí phải trả	3.878.550.201	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.878.550.201	-
317	7. Phải trả nội bộ	18.536.483.081	316	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	(18.536.483.081)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	351.714.174	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	351.714.174	-

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này (tiếp theo):

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.571.728	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.571.728	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(3.200.876.950)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(3.200.876.950)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	8.827.741.301	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	28.757.414.296	19.929.672.995
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	19.929.672.995				(19.929.672.995)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.713.314.930	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.713.314.930	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	3.876.192.763	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	19.837.122.167	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.571.728	-
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	-
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	-
415	5. Cổ phiếu quỹ	(3.200.876.950)	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	28.757.414.296	19.929.672.995
			(19.929.672.995)
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.713.314.930	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	3.876.192.763	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	19.837.122.167	-



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

PHÒ CHỦ TỊCH
 Trần Thị Đào



CHỨNG THỰC BÀN SỔ ĐĂNG KÝ TÀI CHÍNH
 Ngày: 17-08-2015
 SỐ CHẤM TÍNH: 5.955.000.000
 SỐ CHẤM: 2
 SỐ TRIS: 2

Nguyễn Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

